

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HS-ST
Ngày: 26/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Mỹ
2. Ông Lâm Thành Thông

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2024/TLST-HS ngày 12/8/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HS ngày 14/8/2024 đối với bị cáo:

1. Thái Minh T, sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số I, khu phố G, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Thái Văn N**, sinh năm 1965 (đã chết) và bà **Trần Thị Thanh V**, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: ngày 21/11/2023 bị **Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B** xử phạt số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 242/QĐ-XPHC chưa nộp phạt).

Nhân thân: ngày 04/11/2013 bị **Ủy ban nhân dân thành phố B** quyết định đưa vào Cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng (Quyết định số 1299/QĐ-UBND, chấp hành xong ngày 11/10/2015).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/4/2024 cho đến nay.

2. Nguyễn Trung C, sinh năm 1996 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số F, khu phố C, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1960 (đã chết) và bà **Trần Thị T2**, sinh năm 1965 (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: ngày 01/12/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. (Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2016/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/8/2017 nhưng chưa thi hành xong án phí hình sự sơ

thảm số tiền 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm số tiền 250.000 đồng và sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính 2.600.000 đồng); ngày 10/5/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/3/2023 nhưng chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng).

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/7/2024 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thị Bích V1, sinh năm 1982; nơi cư trú: số A, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Nguyễn Văn C1, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

3. Phạm Trần Hồng N1, sinh năm 2002; nơi cư trú: số C, ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

4. Phùng Đức T3, sinh năm 2001; nơi cư trú: số A, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Bích T4, sinh năm 1990; nơi cư trú: số C, khu phố A, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

2. Nguyễn Thị Đài T5, sinh năm 1980; nơi cư trú: số F N, khu phố F, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

3. Nguyễn Lê Trung H, sinh năm 1991; nơi cư trú: số D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

4. Nguyễn Hữu T6, sinh năm 1982; nơi cư trú: số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

5. Trần Thanh S, sinh năm 1982; nơi cư trú: số C, ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/01/2024 đến ngày 30/01/2024, Thái Minh T có hành vi trộm cắp tài sản 03 (ba) vụ trên địa bàn Phường E và xã B, thành phố B. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 10/01/2024, Thái Minh T đi bộ đến khu vực Bệnh viện Đ ở Khu phố B, Phường E, thành phố B tìm tài sản để lấy trộm. T phát hiện tại Nhà xe nhân viên có một xe đạp điện nhãn hiệu Hitasa của chị Nguyễn Thị Bích V1, sinh năm: 1982, ĐKTT: Số A, khu phố M, Phường G, thành phố B dựng tại đây không ai trông coi nên T lén lút lấy trộm một bình xe đạp điện đến vừa phế liệu của

chị Nguyễn Thị Đài T5, sinh năm: 1980, ĐKTT: Số F, đường N, Khu phố F, phường A, thành phố B bán cho chị T5 được 300.000 đồng, số tiền này T tiêu xài cá nhân hết. Chị Nguyễn Thị Bích T4, sinh năm: 1990, ĐKTT: Số C, Khu phố A, Phường G, thành phố B là người sống như vợ chồng với T đã chuộc lại bình xe trên đem về cho T giao nộp cho Cơ quan điều tra. Thái Minh T giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 (một) bình xe đạp điện màu đen, hiệu H1 đã qua sử dụng.

Hiện trường nơi xảy ra vụ việc là khu vực Nhà xe nhân viên Bệnh viện Đ, gần khu vực Khoa N2 và Khoa T Lão H. Hiện trường bị xáo trộn do có nhiều người ra vào khu vực hiện trường, không còn dấu vết để ghi nhận.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 181/KL-HĐĐG ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) bình xe đạp điện hiệu Hitasa màu đen, trị giá tài sản ngày 10/01/2024 là 720.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 13/01/2024, Thái Minh T đi bộ vào khu vực Bệnh viện Đ tìm tài sản lấy trộm. Tấn phát hiện tại Phòng số 14, Khoa Nội A Bệnh viện Đ có để một điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen trên giường bệnh của ông Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1967, ĐKTT: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre nhưng không ai trông coi. T lén lút lấy trộm điện thoại trên bỏ vào túi quần đang mặc rồi tẩu thoát. Tấn nhờ Nguyễn Lê Trung H, sinh năm: 1991, ĐKTT: Số D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre bán giúp, nói là điện thoại của T. H mang điện thoại trên bán cho Nguyễn Hữu T6, sinh năm: 1982, ĐKTT: Số A, ấp A, xã M, thành phố B được 400.000 đồng. Tiền bán điện thoại có được, H đưa cho T, T cho H 200.000 đồng, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân hết.

Hiện trường nơi xảy ra vụ việc là khu vực Phòng số 14, Khoa Nội A, Bệnh viện Đ. Hiện trường bị xáo trộn do có nhiều người ra vào khu vực hiện trường, không còn dấu vết để ghi nhận.

Anh Nguyễn Hữu T6 giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, số IMEI 1: 865966047036633, IMEI 2: 865966047036625 đã qua sử dụng; 01(một) ốp lưng màu đen có chữ Ferrari.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 181/KL-HĐĐG ngày 20/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu đen, trị giá tài sản ngày 13/01/2024 là: 1.100.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 436/KL-HĐĐG ngày 14/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01(một) ốp lưng màu đen có chữ Ferrari trị giá tài sản ngày 13/01/2024 là 20.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Thái Minh T chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Văn C1 là: 1.120.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 03 giờ 45 phút ngày 30/01/2024, Thái Minh T điều khiển xe mô tô loại Wave, Biển số 71B3-47439, màu trắng lưu thông trên đường L thuộc Phường F, thành phố B gặp Nguyễn Trung C đang đi bộ nên cho C có giang đến Phường G, thành phố B tìm bạn nhưng không gặp. Lúc này, T nhờ C chở T đến hẻm

T ở ấp B, xã B, thành phố B, mục đích là để tìm tài sản để lấy trộm nhưng không nói cho Chánh biết, C đồng ý chờ T. Khi đến khu vực phía trước nhà trọ M ở ấp B, xã B, thành phố B, T nói dừng xe lại để T xuống xe, một mình Tấn đi bộ vào trong khu nhà trọ. T đi bộ vào trong dãy trọ thì phát hiện Phòng trọ E7 không khóa cửa. Tấn mở cửa phòng, mở đèn sáng nhìn thấy chị Phạm Trần Hồng N1 đang nằm ngủ trên gác, trên bàn gỗ bên cạnh có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng, ốp lưng màu trắng trong, 500.000 đồng tiền Việt Nam trong ốp lưng điện thoại và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím của anh Phùng Đức T3 là bạn trai của N1. T lén lút lấy trộm hai điện thoại trên bỏ vào túi quần phía trước, bên phải đang mặc rồi đi bộ ra ngoài gặp C, cả hai đến quán nước không tên ở xã S, thành phố B, T lấy ra hai điện thoại nói với C là lấy trộm được và lấy 500.000 đồng trong ốp lưng điện thoại Iphone 13 trả tiền ăn uống chung với Chánh. Sau đó, T rủ Chánh qua thành phố M, tỉnh Tiền Giang bán hai điện thoại trộm được.

Nguyễn Trung C là người có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm: tuy Chánh không hứa hẹn trước, không biết trước việc T sẽ trộm tài sản nhưng tại quán nước, T đã nói rõ tiền và 02 (hai) điện thoại do T trộm được mà có, Chánh nghe và vẫn đồng ý cùng T tiêu xài chung số tiền 500.000 đồng và đồng ý đi cùng T qua thành phố M, tỉnh Tiền Giang bán 02 điện thoại vừa trộm được nhưng chủ tiệm điện thoại không mua. Sau đó cả hai đến tiệm Đ1 bán cho chủ tiệm là anh Trần Thanh S, sinh năm: 1982, ĐKTT: Số C, Ấp A, xã S, thành phố B được 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Tấn chia cho Chánh 4.000.000 đồng. Cả hai tiêu xài cá nhân hết. Tài sản không thu hồi được.

Đối với xe mô tô loại Wave, Biển số 71B3-47439, màu trắng, T trình bày là mua lại của vợ phế liệu về sửa lại làm phương tiện đi lại, do không có tiền tiêu xài, Thái Minh T đã bán xe trên cho vợ phế liệu (T không nhớ tên và địa chỉ tiệm phế liệu này), lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 284/KL-HĐĐG ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng, dung lượng 128Gb, số I cuối 33843. Trị giá tài sản ngày 30/01/2024 là: 11.000.000 đồng; 01 (một) ốp lưng điện thoại Iphone 13 màu trắng trong. Trị giá tài sản ngày 30/01/2024 là: 20.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím, dung lượng 128Gb, số I 359761974395471. Trị giá tài sản ngày 30/01/2024 là: 16.000.000 đồng; 01 (một) ốp lưng điện thoại Iphone 14 màu trắng trong. Trị giá tài sản ngày 30/01/2024: 20.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị can Thái Minh T chiếm đoạt của bị hại Phạm Trần Hồng N1 là 11.520.000 đồng và chiếm đoạt của bị hại Phùng Đức T3 là 16.020.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Ngày 12/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 894/QĐ-ĐCSHS trao trả cho bị hại Nguyễn Thị Bích V1 01(một) bình xe đạp điện màu đen, hiệu H1 đã qua sử dụng và trả cho bị hại Nguyễn Văn C1 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, số

IMEI 1: 865966047036633, IMEI 2: 865966047036625 và 01(một) ốp lưng màu đen có chữ Ferrari. Tất cả đã qua sử dụng. Đối với xe mô tô loại Wave, Biển số 71B3-47439, màu trắng, do không có tiền tiêu xài, **Thái Minh T** đã bán xe trên cho vừa phế liệu (**T** không nhớ tên và địa chỉ tiệm phế liệu này). Hiện không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Bị hại **Nguyễn Thị Bích V1** đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác. Bị hại **Nguyễn Văn C1** đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì khác, đồng thời yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị hại **Phạm Trần Hồng N1** yêu cầu bị cáo **Thái Minh T** bồi thường giá trị tài sản theo định giá là 11.520.000 đồng; bị hại **Phùng Đức T3** yêu cầu bị cáo **Thái Minh T** bồi thường giá trị tài sản theo định giá là 16.020.000 đồng.

Bị cáo **Thái Minh T** đồng ý bồi thường cho các bị hại nhưng chưa có tiền bồi thường. Đối với số tiền 4.000.000 đồng bị cáo **T** cho **C**, **T** không yêu cầu Chánh trả lại cho **T**. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị Bích T4** không yêu cầu bị can **Thái Minh T** trả lại số tiền 320.000 đồng tiền đã chuộc bình xe đạp điện hiệu Hitasa. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Hữu T6** không yêu cầu bị can **T** bồi thường số tiền 400.000 đồng đã mua điện thoại hiệu Vivo, anh **T6** giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Việc **Nguyễn Trung C** đã được bị cáo **Thái Minh T** chia cho Chánh 4.000.000 đồng từ việc bán hai điện thoại di động do **T** phạm tội mà có, đây là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo **C** nộp sung công quỹ nhà nước. Chánh chưa nộp số tiền này.

Quá trình điều tra, **Thái Minh T** và **Nguyễn Trung C** đã thành khẩn khai nhận phù hợp với nhau hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai của các bị can phù hợp với lời khai của các bị hại, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được.

Tại cáo trạng số 54/CT-VKSTPBT ngày 09/8/2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo **Thái Minh T** về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo **Nguyễn Trung C** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Thái Minh T** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung C** từ 03 đến 04 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trao trả cho bị hại Nguyễn Thị Bích V1 01(một) bình xe đạp điện màu đen, hiệu H1 đã qua sử dụng và trả cho bị hại Nguyễn Văn C1 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, số IMEI 1: 865966047036633, IMEI 2: 865966047036625 và 01(một) ốp lưng màu đen có chữ Ferrari. Tất cả đã qua sử dụng. Đối với xe mô tô loại Wave, Biển số 71B3-47439, màu trắng không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Ghi nhận bị hại Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Văn C1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì khác; Nguyễn Thị Bích T4 không yêu cầu bị cáo Thái Minh T trả lại số tiền 320.000 đồng tiền đã chuộc bình xe đạp điện hiệu Hitasa. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu T6 không yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 400.000 đồng đã mua điện thoại hiệu Vivo, anh T6 giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Buộc bị cáo bồi thường cho: Phạm Trần Hồng N1 số tiền 11.520.000 đồng; Phùng Đức T3 số tiền 16.020.000 đồng.

Buộc Nguyễn Trung C nộp số tiền 4.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bích T4 trình bày: chị là người đã bỏ tiền chuộc lại bình xe đạp điện mà T đã bán cho chị T5 để giao nộp cho Cơ quan điều tra. Chị không yêu cầu T trả lại số tiền chị đã chuộc xe.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đài T5: chị có mua bình xe đạp điện của bị cáo T bán, khi mua chị không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Chị T4 đã mua lại bình xe để giao nộp cho Cơ quan điều tra và trả lại tiền cho chị xong, chị không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 10/01/2024 đến ngày 30/01/2024, **T** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 03 (ba) vụ trên địa bàn **Phường E và xã B, thành phố B**. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 10/01/2024, **Thái Minh T** đã chiếm đoạt của chị **Nguyễn Thị Bích V1** 01 (một) bình xe đạp điện hiệu Hitasa, màu đen trị giá 720.000 đồng (bảy trăm hai mươi ngàn đồng) tại Nhà xe dành cho nhân viên của **Bệnh viện Đ ở Khu phố B, Phường E, thành phố B**.

Vụ thứ hai: khoảng 22 giờ 00 phút ngày 13/01/2024, **Thái Minh T** đã chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen trị giá 1.100.000 đồng và 01 ốp lưng điện thoại trị giá 20.000 đồng của ông **Nguyễn Văn C1** tại Phòng số 14, **Lầu B, Khoa nội A, Bệnh viện Đ ở Khu phố B, Phường E, thành phố B**. Tổng giá trị tài sản mà **Thái Minh T** chiếm đoạt của bị hại **Nguyễn Văn C1** là: 1.120.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 30/01/2024, **Thái Minh T** chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng trị giá 11.000.000 đồng, 01 (một) ốp lưng điện thoại Iphone 13 màu trắng trong trị giá 20.000 đồng, 500.000 đồng được để trong ốp lưng điện thoại của chị **Phạm Trần Hồng N1**; chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím trị giá 16.000.000 đồng và 01 (một) ốp lưng điện thoại Iphone 14 màu trắng trong trị giá 20.000 đồng của anh **Phùng Đức T3** tại Phòng trọ **số E, Nhà trọ M ở ấp B, xã B, thành phố B**.

Tổng giá trị tài sản mà **Thái Minh T** chiếm đoạt của các bị hại **Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Văn C1, Phạm Trần Hồng N1, Phùng Đức T3** là 29.380.000 đồng.

Nguyễn Trung C không biết việc **Thái Minh T** trộm tài sản nhưng sau khi **T** kể lại sự việc trộm cắp tài sản nhưng **C** vẫn cùng **T** tiêu xài chung số tiền 500.000 đồng do phạm tội mà có và cùng **T** qua **thành phố M, tỉnh Tiền Giang** bán 02 điện thoại Tân phạm tội mà có nhưng cùng với **T** đi bán 02 điện thoại này được 8.000.000 đồng và được hưởng lợi 4.000.000 đồng.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo **T** đã một mình cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 29.380.000 đồng; bị cáo **C** sau khi biết được hành vi phạm tội của bị cáo nhưng vẫn cùng với bị cáo **T** đi bán tài sản lấy trộm được để thu lợi bất chính. Bị cáo **C** có 02 tiền án, đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng vẫn có ý thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo là “Tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre truy tố bị cáo **T** về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo **C** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi các bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo **T** có 01 tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản” và đã từng bị đưa vào cđow sở chữa bệnh bắt buộc; bị cáo **C** có 02 tiền án và tội “Trộm cắp tài sản”. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo **T** đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo **C** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo **T** được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Tự nguyện bồi thường thiệt hại” và “Bị hại có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo” theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trao trả cho bị hại **Nguyễn Thị Bích V1** 01(một) bình xe đạp điện màu đen, hiệu **H1** đã qua sử dụng và trả cho bị hại **Nguyễn Văn C1** 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, số IMEI 1: 865966047036633, IMEI 2: 865966047036625 và 01(một) ốp lưng màu đen có chữ Ferrari. Tất cả đã qua sử dụng. Đối với xe mô tô loại Wave, Biển số 71B3-47439, màu trắng không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Ghi nhận bị hại **Nguyễn Thị Bích V1**, **Nguyễn Văn C1** đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì khác; **Nguyễn Thị Bích T4** không yêu cầu bị cáo **Thái Minh T** trả lại số tiền 320.000 đồng tiền đã chuộc bình xe đạp điện hiệu Hitasa. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Hữu T6** không yêu cầu bị cáo **T** bồi thường số tiền 400.000 đồng đã mua điện thoại hiệu Vivo, anh **T6** giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Buộc bị cáo **Thái Minh T** bồi thường cho: **Phạm Trần Hồng N1** số tiền 11.520.000 đồng; **Phùng Đức T3** số tiền 16.020.000 đồng là giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt, không thu hồi được.

Buộc **Nguyễn Trung C** nộp số tiền 4.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính để nộp Ngân sách nhà nước.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí, bị cáo bị kết án và có trách nhiệm bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Thái Minh T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo **Nguyễn Trung C** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1.1 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Thái Minh T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2024.

1.2 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung C** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2024.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo **Nguyễn Trung C** giao nộp số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo **Thái Minh T** bồi thường cho **Phạm Trần Hồng N1** số tiền 11.520.000 (mười một triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng.

Buộc bị cáo **Thái Minh T** bồi thường cho **Phùng Đức T3** số tiền 16.020.000 (mười sáu triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo **Thái Minh T**, **Nguyễn Trung C** mỗi người phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo **Thái Minh T** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 1.377.000 (một triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P. 4, TPBT (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (08b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (6b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình